

Số: 936/2024/QĐST-HNGĐ Thành phố Huế, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1013/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Trần Văn Quốc T**, sinh năm 1977; địa chỉ: 3 L, phường A, thành phố H;

Bà **Nguyễn Thị Thu T1**, sinh năm 1977; địa chỉ: 3 L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Quốc T và bà Nguyễn Thị Thu T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 09/9/2004 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của ông T, bà T1 trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/11/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Trần Nguyễn Thái B, sinh ngày 18/01/2006 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/10/2008. Cháu Trần Nguyễn Thái B hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T, bà T1 thỏa thuận giao cháu Trần Nguyễn Bảo N cho ông Trần Văn Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Thu T1 không phải cấp dưỡng cho con. Xét việc thỏa thuận của ông T, bà T1 là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn Quốc T và bà Nguyễn Thị Thu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn Quốc T và bà Nguyễn Thị Thu T1 tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Quốc T và bà Nguyễn Thị Thu T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Trần Nguyễn Thái B, sinh ngày 18/01/2006 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/10/2008. Cháu Trần Nguyễn Thái B hiện nay đã thành niên, Toà án không giải quyết.

Giao cháu Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/10/2008 cho ông Trần Văn Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà Nguyễn Thị Thu T1 không phải cấp dưỡng cho con. Thời hạn nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Nguyễn Bảo N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Ông Trần Văn Quốc T và bà Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền ông T, bà T1 đã nộp theo biên lai số 5048 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông T, bà T1 đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc;
(Số 176 ngày 09/9/2004);
- Các đương sự;
- Lưu: dán, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Vinh Phú